

GIÁ THAN TRÊN THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI BẬT DẬY TĂNG CAO ĐIỀU GÌ ĐÃ XẢY RA?

Nguyễn Cảnh Nam

Hội Khoa học và Công nghệ Mỏ Việt Nam

Email: canhnam_pgs@yahoo.com

TÓM TẮT

Bài báo đề cập đến biến động giá than nhiệt điện từ năm 2020 trở về trước tại các thị trường tiêu biểu: Tây Bắc Âu, vùng Appalachia (Mỹ), Nhật Bản, Tân Hoàng Đảo (Trung Quốc), Australia, Indonesia và Nam Phi, kéo theo sự gia tăng của giá than trên thị trường thế giới năm 2021 bắt đầu từ Trung Quốc, từ đó làm rõ nguyên nhân, tác động và xu hướng sắp tới của giá than.

Từ khóa: Giá than trên thị trường thế giới, giá than.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Giá than trên các thị trường tăng cao, ảnh hưởng đến kinh tế nhiều nước. Để phát triển kinh tế bền vững cần tìm hiểu nguyên nhân, tác động và xu hướng sắp tới của giá than, nhằm có kế hoạch và giải pháp phù hợp.

2. NỘI DUNG TRAO ĐỔI

2.1. Giá than trên thị trường thế giới

Biến động giá than nhiệt từ năm 2020 về trước. Giá than nhiệt trên một số thị trường thế giới đại diện từ 2008÷2020 được nêu ở Bảng 1 và Bảng 2.

Bảng 1- Giá than nhiệt từ 2008÷2020 trên một số thị trường đại diện

Năm	Giá thị trường Tây Bắc Âu		Chỉ số giá giao ngay than Appalachian Trung US		Giá CIF giao ngay (Spot) than nhiệt Nhật Bản		Giá than giao ngay Tân Hoàng Đảo (Trung Quốc)	
	USD/Tấn	Tăng, giảm, %	USD/Tấn	Tăng, giảm, %	USD/Tấn	Tăng, giảm, %	USD/Tấn	Tăng, giảm, %
2008	147,67	66,3	117,42	136,1	157,88	65,2	104,97	71,4
2009	70,39	-52,2	60,73	-48,3	83,59	-47,0	87,86	-16,3
2010	92,35	30,9	67,87	11,8	108,47	29,8	110,08	25,3
2011	121,48	31,4	84,75	24,9	126,13	16,3	127,27	15,6
2012	92,50	-23,9	67,28	-20,6	100,30	-20,5	111,89	-12,1
2013	81,69	-11,7	69,72	3,6	90,07	-10,2	95,42	-14,7
2014	75,38	-7,7	67,03	-3,85	76,13	-15,5	84,12	-11,8
2015	56,79	-24,7	51,57	-23,1	60,10	-21,0	67,53	-19,7
2016	59,87	5,4	51,45	-0,23	71,66	19,2	71,35	5,7
2017	84,51	40,2	63,83	19,2	95,57	34,0	94,72	32,8
2018	91,83	8,7	72,84	14,1	112,73	18,0	99,45	5,0
2019	60,86	-33,7	57,16	-21,5	77,63	-31,1	85,89	-13,6
2020	50,28	-17,4	42,77	-25,2	69,77	-10,1	83,10	-3,2

Nguồn: BP Statistical Review of World Energy 2021 [1]

Ghi chú: IHS giá than Tây Bắc Châu Âu từ năm 2001÷2020 là giá bình quân hàng tuần. Giá HIS thị trường Nhật Bản của than 6000 kcal/kg NAR CIF. Giá than Trung Quốc từ 2006-2020 theo bình quân hàng tuần. Than Trung Quốc 5.500 kcal/kg NAR bao gồm giá và chi phí vận chuyển (CFR). S&P Global Platts ©2020, S&P Global Inc: Giá than Trung US Appalachian cho loại than 12.500 BTU (tương đương 3.152 kcal/kg), 1,2 SO₂, FOB. Giá từ 2006÷2020 là theo tuần CAPP 12.500 Btu, 1,6 SO₂, FOB. Lưu ý: CIF = giá mua + bảo hiểm + cước vận chuyển (giá trung bình); FOB = giá than giao trên tàu.

Bảng 2- Giá than nhiệt từ 2009 ÷ 2019 của một số nước trên thế giới

Năm	Giá than Australia ⁽¹⁾		Giá than Indonesia ⁽²⁾⁽³⁾ , US\$/tấn		Giá than Nam Phi ⁽¹⁾ , US\$/tấn	
	US\$/tấn	+/- %	US\$/tấn	+/- %	US\$/tấn	+/- %
2009	71,84	-	70,70	-	67,06	-
2010	98,97	37,8	91,70	29,7	91,62	36,6
2011	121,45	22,7	118,40	29,1	104,74	14,3
2012	96,36	-20,7	95,50	-19,3	84,30	-19,5
2013	84,56	-12,2	82,90	-13,2	73,11	-13,3
2014	70,13	-17,1	72,60	-12,4	66,83	-8,6
2015	58,94	-16,0	60,10	-17,2	57,94	-13,3
2016	66,12	12,2	61,80	2,8	68,00	17,4
2017	88,52	33,9	85,90	39,0	87,53	28,7
2018	107,02	20,9	96,50	12,3	95,86	9,5
2019	77,90	-27,2	-	-	71,90	-25,0

Nguồn: (1) World Bank Commodity Price Data (The Pink Sheet) Apr. 2020; (2) Benchmark Coal Price of Indonesia Near Six-Year High in March 2018 (số liệu từ 2009 đến 2017); (3) Indonesia's Coal Dynamics: Toward A Just Energy Transition - Institute for Essential Services Reform (IESR) Jakarta, Indonesia First Edition. March 2019 (số liệu 2018).

Qua Bảng 1 và Bảng 2 trên đây cho thấy:

Giá than từ năm 2020 về trước trên các thị trường khác nhau do căn cứ xác định giá khác nhau (giá CIF, giá FOB), giá các loại than khác nhau do có chất lượng, thị trường cung cấp và thị trường tiêu thụ khác nhau.

Giá than có sự biến động thường xuyên, tăng giảm theo hình sóng với biên độ dao động khác nhau dưới tác động của nhiều yếu tố thị trường và phi thị trường, trong đó có tác động rất lớn của giá dầu mỏ và khí tự nhiên - là nguồn năng lượng giữ vai trò chính hiện nay trong cán cân năng lượng sơ cấp của thế giới và hầu hết các nước trên toàn cầu. Tuy vậy, sự biến động giá than của các nước và các thị trường có cùng xu hướng, có mối quan hệ với nhau tương đối chặt chẽ, thể hiện ở xu hướng biến động: về cơ bản cùng giảm hoặc cùng tăng tùy với các mức khác nhau.

Từ năm 2019, giá than suy giảm do sự giảm giá dầu thô. Nguyên nhân chính là do nhu cầu giảm bởi tác động của Đại dịch Covid-19. Cho đến năm 2020, tỷ trọng nhiệt điện than đứng đầu ở 12 nước đại diện: Nam Phi 84,5% (chiếm gần như độc tôn), Ấn Độ 72,1% (vượt xa thủy điện đứng thứ hai 10,5% và điện NLTT thứ ba 9,7%), Ba Lan 70,3% (vượt xa so với điện NLTT đứng thứ hai 16,2%),

Kazakhstan 66,8% (vượt xa điện khí đứng thứ hai 19,5%), Trung Quốc 63,2% (vượt xa thủy điện đứng thứ hai 17,0% và điện NLTT thứ ba 11,1%), Indonesia 65,7% (vượt xa điện khí đứng thứ hai 18,6%), Malaysia 56,1% (cao hơn nhiều so với điện khí đứng thứ hai 28,6%), Australia 53,9% (vượt xa điện khí đứng thứ hai 20,0% và điện NLTT thứ ba 18,8%), Việt Nam 50,6% (vượt xa thủy điện đứng thứ hai 29,3% và điện khí thứ ba 15,0%), Đài Loan 45,0% (cao hơn điện khí đứng thứ hai 35,7% và điện hạt nhân thứ ba 11,2%), Hàn Quốc 36,3% (cao hơn điện hạt nhân đứng thứ hai 27,9% và điện khí thứ ba 26,7%), Thổ Nhĩ Kỳ 34,8% (cao hơn đáng kể so với thủy điện đứng thứ hai 25,6% và điện khí thứ ba 22,9%) [1].

Trong số các nước trên, những nước có trữ lượng than lớn hoặc tương đối lớn (chiếm tỷ trọng ≥ 1% trữ lượng than thế giới) gồm có: Ba Lan 2,6%, Thổ Nhĩ Kỳ 1,1%, Kazakhstan 2,4%, Nam Phi 0,9%, Úc 14,0%, Trung Quốc 13,3%, Ấn Độ 10,3%, Indonesia 3,2%. Một số nước có trữ lượng nhỏ như Việt Nam (chiếm 0,3% trữ lượng than thế giới) hoặc có không đáng kể (phải nhập khẩu than) như Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Malaysia, v.v.. Một số nước có trữ lượng than lớn nhưng tỷ trọng nhiệt điện than thấp do có trữ lượng khí dồi dào nên ưu

tiên sử dụng khí hoặc nguồn năng lượng khác có lợi thế hơn như Mỹ (chiếm 23,2% trữ lượng than thế giới), Nga (chiếm 15,1%), Ucraina (chiếm 3,2%). Đức có trữ lượng than chiếm 3,3% trữ lượng than thế giới nên nhiệt điện than tuy không đứng đầu song vẫn chiếm tỷ trọng cao thứ hai (từ năm 2018 về trước luôn có tỷ trọng cao nhất).

Sự bật dậy của giá than nhiệt từ năm 2021

Đến năm 2021 giá than đã bật dậy tăng mạnh. Riêng giá than nhiệt lượng loại tốt của Australia xuất đi từ cảng Newcastle, trong ngày 3/10 đã thiết lập mức giá cao kỷ lục mới 203,2 USD/tấn, tăng hơn 143% so với đầu năm. Giá than luyện kim cao cấp - được dùng để sản xuất thép, tăng 158% so với đầu năm lên mức kỷ lục là 615 USD/tấn ở Trung Quốc. Đây là mức giá cao nhất kể từ hồi tháng 7/2008. Giá than nhiệt lượng xuất đi từ cảng Newcastle thường được xem là mức giá tiêu chuẩn đối với than nhiệt lượng trên toàn thị trường Châu Á.

Giá than thế giới liên tục thiết lập đỉnh giá mới trong thời gian gần đây chủ yếu do Trung Quốc đang ồ ạt thu mua than trên toàn cầu nhằm giải quyết tình trạng thiếu hụt điện trầm trọng. Ít nhất 20 tỉnh thành chiếm hơn 2/3 GDP của Trung Quốc đã phải áp dụng một số hình thức cắt giảm điện luân phiên diện rộng.

Nguyên nhân

Khủng hoảng thiếu điện của Trung Quốc bắt nguồn từ việc hoạt động sản xuất của nước này tăng mạnh trong nửa đầu năm nay, kéo theo nhu cầu sử dụng điện tăng lên. Điều này khiến nhu cầu sử dụng than để sản xuất điện tăng lên nhưng nguồn cung than nội địa lẫn nhập khẩu của Trung Quốc trong 8 tháng đầu năm nay đều có xu hướng suy giảm, dẫn tới giá than tăng mạnh.

Đặc biệt, giá nguyên liệu đầu vào tăng vọt nhưng giá bán điện lại không tăng khiến nhiều nhà máy điện than tại Trung Quốc tuyên bố tạm ngưng hoạt động để “bảo trì” song thực chất để hạn chế lỗ, khiến tình trạng thiếu điện bùng phát.

Tháng 9/2020, Chủ tịch Tập Cận Bình cam kết Trung Quốc sẽ nỗ lực đạt mục tiêu đạt mức phát thải carbon cao nhất vào năm 2030, nhằm giảm tiêu thụ năng lượng. Nhiệm vụ này đã tạo áp lực cho hoạt động sản xuất than của Trung Quốc, vốn đã gặp nhiều gián đoạn vì những vụ tai nạn không mong muốn. Trong khi đó, hơn 60% điện năng của

Trung Quốc được tạo ra từ việc đốt than.

Theo Dan Wang - chuyên gia kinh tế cấp cao tại Ngân hàng Hang Seng, ngoài mâu thuẫn với Australia và thiếu nguồn cung năng lượng tái tạo, tình trạng thiếu điện hiện tại của Trung Quốc một phần là do quy định khắt khe của chính phủ đối với giá điện. Trung Quốc từ lâu đã đặt giới hạn về mức tăng giá điện của các công ty - vốn thấp so với toàn cầu. Điều này làm giảm nhu cầu sản xuất của các nhà máy điện khi giá than tiếp tục tăng.

Đà tăng của giá than thế giới còn được hỗ trợ bởi việc giá khí thiên nhiên hoá lỏng (LNG) trên toàn cầu tăng mạnh và cuộc khủng hoảng sụt giảm điện gió tại Châu Âu. Trong đó, lượng gió tại khu vực Biển Bắc giảm mạnh đã khiến nguồn cung năng lượng điện gió tại Châu Âu sụt giảm khiến nhiều nước trong khu vực tăng cường huy động nguồn cung từ điện than, kéo theo đó là nhu cầu tăng đột ngột đối với than nhiệt lượng. Than nhiệt lượng, vốn bị Châu Âu hạn chế sử dụng từ lâu do phát thải lượng lớn khí nhà kính, đang trở dậy mạnh sau thời kỳ giảm giá kéo dài.

Tác động và dự báo sắp tới

Hiện tại, cuộc khủng hoảng điện ở Trung Quốc càng khiến tình trạng thiếu hụt năng lượng trên toàn cầu trở nên căng thẳng hơn, có nguy cơ làm đảo lộn quá trình hồi phục sau đại dịch. Nhu cầu tăng cao, thời tiết thay đổi và sản lượng thấp đã khiến giá khí đốt leo thang. Xu hướng này đã ảnh hưởng đến sản lượng của các nhà máy điện ở châu Âu và giá điện mà các hộ gia đình chi trả.

Dự báo giá than thế giới sẽ còn giữ ở mức cao trong suốt 3 tháng cuối năm nay.

Điều này cũng làm dấy lên mối lo ngại ở châu Âu và Mỹ về việc liệu nguồn cung sụt giảm có đủ để cung cấp năng lượng cho các nền kinh tế trong suốt mùa đông hay không.

Việc giá khí LNG tăng ở mức cao kỷ lục cũng khiến nhiều nhà máy điện tại Pakistan, Ấn Độ, Bangladesh tăng cường sử dụng than thay vì khí thiên nhiên để sản xuất điện. Tuy nhiên, nguồn cung than trên thị trường toàn cầu hiện không theo kịp nhu cầu tăng đột ngột. Hoạt động vận chuyển của những nước xuất khẩu than lớn trên thế giới như Indonesia, Australia, Nam Phi và Colombia đang gặp nhiều khó khăn do mưa lũ, thiếu hụt lao động và thiếu tàu chuyên chở.

Ít nhất một nhà máy điện tại Đức đã buộc phải

ngưng hoạt động trong thời gian vừa qua vì cạn kiệt nguồn nhiên liệu. Trung Quốc đang tăng cường thu mua nhiều loại than khác nhau từ nhiều nước, bao gồm cả than nâu vốn có mức sinh nhiệt thấp và gây ô nhiễm cao, nhằm đảm bảo có đủ than cho sản xuất điện. Trung Quốc đã yêu cầu các doanh nghiệp nhà nước trong lĩnh vực năng lượng phải đảm bảo đủ nguồn cung điện trong những tháng mùa đông tới đây bằng mọi giá.

Tập đoàn tài chính Goldman Sachs (Mỹ) dự báo giá than nhiệt lượng tại cảng Newcastle có thể đạt trung bình 190 USD/tấn trong 3 tháng cuối năm nay. Trong ngắn hạn, nhu cầu sử dụng than để sản xuất điện tại nhiều nước được nhận định sẽ tiếp tục ở mức cao. Tại Trung Quốc, công suất hoạt động của các nhà máy điện than trong tháng 8 vừa qua đã tăng 14% so với cùng kỳ của hai năm gần nhất. Hãng nghiên cứu thị trường Wood Mackenzie (Anh) dự báo nhu cầu sử dụng điện than của nước này trong năm 2022 sẽ tăng 1% so với năm nay.

2.2. Tình hình sản xuất than và giá than trong nước

Theo Cơ quan Năng lượng quốc tế (IEA), nhu cầu than toàn cầu trong 9 tháng năm 2021 dù chỉ tăng 4,5% so với cùng kỳ, sau khi giảm 5% trong năm 2020, nhưng giá than trung bình thế giới đã tăng mạnh 110% so với cùng kỳ và 75% so với đầu năm, lập kỷ lục cao nhất trong lịch sử. Tuy vậy, các chuyên gia từ Công ty cổ phần Chứng khoán SSI (SSI) cho biết, giá than ở Việt Nam không đồng pha với giá than thế giới, do chính sách quản lý giá ở Việt Nam với chỉ 2 đơn vị được phép khai thác và bán than trong nước là Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV) và Tổng Công ty Đông Bắc.

Giá than trong nước thường chỉ điều chỉnh khi có mức tăng lớn về chi phí sản xuất. Trong năm 2021, giá than trong nước chưa điều chỉnh nhiều, mới chỉ có giá than cho sản xuất xi măng điều chỉnh tăng 9% trong tháng 8, còn giá than cho nhiệt điện vẫn giữ nguyên để giảm áp lực cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) khi Chính phủ đang yêu cầu hỗ trợ giá điện trong thời điểm dịch bệnh. Vì nhu cầu than trong nước chủ yếu phục vụ cho nhiệt điện, chiếm 72% nhu cầu trong nước nên SSI ước tính giá than năm nay dự kiến sẽ chỉ tăng nhẹ 4% so với năm 2020.

Giá than nhập khẩu của Việt Nam tăng đồng pha với giá than thế giới, với mức tăng trung bình 83% so với cùng kỳ trong 9 tháng đầu năm 2021. Với giá than tăng mạnh, các ngành công nghiệp ở nước ta sẽ bị ảnh hưởng chính bao gồm nhiệt điện, xi măng, luyện kim và phân bón; trong đó, bởi giá than thế giới tăng đột biến so với than trong nước, các ngành có tỷ lệ than nhập trên tổng than sử dụng trong ngành cao như xi măng, chiếm 66%, sắt thép chiếm 88%, phân bón 74% sẽ bị ảnh hưởng nhiều nhất, còn nhiệt điện ít bị ảnh hưởng hơn do tỷ lệ than nhập mới chỉ chiếm 24% tổng than sử dụng và Chính phủ cũng ưu tiên nguồn than trong nước cho nhiệt điện. Ngành than là ngành chịu tác động trực tiếp từ cơn sốt than, nhưng chính sách giá than chịu sự quản lý chặt của Chính phủ nên ngành than về cơ bản chưa được hưởng lợi từ cơn sốt than hiện tại [4].

Về sản xuất, tiêu thụ than trong nước [5]: 9 tháng đầu năm than nguyên khai sản xuất của TKV: 29,67 triệu tấn, đạt 77% kế hoạch năm, bằng 100% so với cùng kỳ. Than sạch thành phẩm đạt: 30,4 triệu tấn, bằng 79% kế hoạch và bằng 104% so với cùng kỳ năm 2020 (than sạch sản xuất tăng do huy động sản xuất than sạch từ tồn kho nguyên khai và than sạch từ sản phẩm xit, bã sàng.... Tổng doanh thu của TKV trong 9 tháng đạt 94,6 nghìn tỷ đồng, tăng 2,1% so với cùng kỳ năm ngoái, sản lượng than tiêu thụ đạt 33,4 triệu tấn, bằng 78,8% kế hoạch và bằng 100% so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó: trong nước đạt 32,1 triệu tấn bằng 79% kế hoạch và bằng 97,5% so với cùng kỳ năm 2020 (hộ Điện: 24,6 triệu tấn bằng 79% kế hoạch và bằng 95,6% cùng kỳ, giảm 1,2 triệu tấn do tình hình giãn cách xã hội kéo dài và huy động nhiệt điện giảm sút vì sản lượng điện tái tạo tăng mạnh; hộ đạm, Alumin: 1,46 triệu tấn đạt 71% kế hoạch và bằng 115% so với cùng kỳ; hộ xi măng: 681 ngàn tấn đạt 50% kế hoạch bằng 96,4% cùng kỳ; hộ khác: 3,5 triệu tấn bằng 107% so với cùng kỳ; Xuất khẩu: 1,33 triệu tấn, đạt 108% kế hoạch năm và tăng 135% so với cùng kỳ năm 2020.

3. KẾT LUẬN

Qua sự biến động nêu trên cho thấy vai trò của than và tính “đồng đánh” của năng lượng tái tạo (gió, mặt trời) trong việc đáp ứng bền vững nhu cầu năng lượng nói chung của thế giới và của từng khu

vực, từng nước. Điều quan trọng là đi đôi với chiến lược phát triển năng lượng sạch hơn một cách bền vững, nhất là năng lượng gió và mặt trời, cần phải quan tâm đến tiềm năng, vai trò của từng loại năng lượng, nhất là các nguồn năng lượng sẵn có trong nước, sự biến động của nhu cầu năng lượng do sự biến động của phát triển kinh tế - xã hội và biến động của thời tiết cũng như phi thời tiết. Theo đó, mục tiêu quan trọng hàng đầu là phải đảm bảo an

toàn, tin cậy, ổn định, hiệu quả của hệ thống năng lượng, trên cơ sở đó đề ra nhiệm vụ và giải pháp phù hợp thực hiện mục tiêu đó, tránh được hay chí ít giảm thiểu tác động của các hậu quả, hệ lụy phát sinh do có sự biến động thuận chiều và trái chiều với biên độ mạnh bởi các nhân tố thị trường, phi thị trường trong, ngoài nước, cũng như tác động của biến đổi khí hậu cực đoan và khoa học, công nghệ phát triển ngày càng nhanh □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. BP Statistical Review of World Energy 2021.
2. Giá than Châu Á vượt 200 USD/tấn, cao nhất 13 năm trở lại đây. <https://moit.gov.vn/tin-tuc/phat-trien-nang-luong/gia-than-chau-a-vuot-200-usd-tan-cao-nhat-13-nam-tro-lai-day.html>.
3. Cả thế giới 'chịu trận' vì khủng hoảng điện ở Trung Quốc: Giá hàng hoá leo thang, nguồn cung mọi thứ đều thiếu hụt, 'cơn khát' năng lượng ngày càng trầm trọng. <https://moit.gov.vn/tin-tuc/phat-trien-nang-luong/ca-the-gioi-chiu-tran-vi-khung-hoang-dien-o-trung-quoc-gia-hang-hoa-leo-thang-nguon-cung-moi-thu-deu-thieu-hut-con-khat-.html>.
4. Bộ Công Thương, tin tức/phát triển năng lượng (2021), *Ngành than chưa được hưởng lợi từ cơn sốt giá hiện tại*.
5. Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam (2021), Số liệu sơ kết sản xuất kinh doanh 9 tháng năm 2021 của TKV.

COAL PRICE ON THE WORLD MARKET BROKED HIGH. WHAT HAPPENED?

Nguyen Canh Nam

ABSTRACT

The article mentions thermal coal price fluctuations from 2020 and earlier in representative markets: Northwest Europe, Appalachian Central US, Japan, Xin Huang Dao (China), Australia, Indonesia and South Africa, followed by the rising rise of coal prices on the world market in 2021, starting from China, thereby clarifying the causes, impacts and upcoming trends of coal prices

Keywords: Coal price on world market, Coal price.

Ngày nhận bài: 01/10/2021;
Ngày gửi phản biện: 15/10/2021;
Ngày nhận phản biện: 25/10/2021;
Ngày chấp nhận bài đăng: 30/10/2021.